TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST
Ngày: 13-10-2021
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,
TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Phường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đào Văn Hiến**.
2. Ông **Lê Văn Vững**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Thi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Sáng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 5, ngày 02, 21 tháng 6, ngày 21 tháng 7, ngày 18 tháng 8, ngày 15 tháng 9 và ngày 13 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 580/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020, về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Ấp TH, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

Anh **Nguyễn Vũ L**, sinh năm 1993;
Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1994;
Địa chỉ: Ấp LH, xã TM, huyện TX, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn xin xét xử vắng mặt và ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:*

Vào ngày 29/10/2019 dương lịch, anh L có vay của chị số tiền 29.600.000 đồng, thỏa thuận miệng 3%/tháng/toàn bộ số tiền, thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày vay, khi vay nghe anh L nói miệng là vay về lo sinh hoạt gia đình.

Vào ngày 30/10/2019 dương lịch, anh L có vay của chị số tiền 29.600.000 đồng, thỏa thuận miệng 3%/tháng/toàn bộ số tiền, thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày vay, khi vay nghe anh L nói miệng là vay về lo sinh hoạt gia đình.

Vào ngày 15/11/2019 dương lịch, anh L có vay tiếp của chị số tiền 90.000.000 đồng, thỏa thuận miệng 3%/tháng/toàn bộ số tiền, thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày vay, khi vay nghe anh L nói miệng là vay về lo sinh hoạt gia đình.

Vào ngày 19/11/2019 dương lịch, chị T có vay của chị số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận miệng 3%/tháng/toàn bộ số tiền, thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày vay, khi vay nghe chị T nói miệng là vay về lo sinh hoạt gia đình.

Đối với các khoản vay trên khi đến hạn trả nợ thì anh L và chị T không trả như đã cam kết, chị đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng anh L và chị T chỉ hứa chứ không thực hiện. Đồng thời, từ khi vay đến nay anh L và chị T chưa trả vốn và lãi gì cho chị.

Theo đơn khởi kiện thì chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L và chị T phải có nghĩa vụ trả lại cho chị số tiền nợ vay vốn là 189.200.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 09/11/2020 tổng cộng 22.704.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên không tiến hành hòa giải được và đơn xin xét xử vắng mặt thì chị thay đổi yêu cầu là nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L và chị T phải có nghĩa vụ trả lại cho chị số tiền nợ vay vốn tổng cộng là 189.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh L và chị T mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

* *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười*:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463 của Bộ luật dân sự, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu của chị H buộc anh L trả 149.200.000 đồng, buộc chị T trả 40.000.000 đồng.

+ Không chấp nhận yêu cầu của chị H buộc anh L liên đới với chị T trả 40.000.000 đồng.

+ Không chấp nhận yêu cầu của chị H buộc chị T liên đới với anh L trả 149.200.000 đồng.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với số tiền lãi 22.704.000 đồng do chị H rút yêu cầu.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản sao);

+ Bản hợp đồng cho mượn tiền ghi ngày 29/10/2019; ngày 15/11/2019 và ngày 19/11/2019 (bản chính);

+ Hợp đồng vay tiền ghi ngày 30/10/2019 (bản chính);

+ 01 sổ bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Vũ L và 01 sổ bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị T (bản photo);

+ Giấy ủy quyền ghi ngày 19/11/2019 (bản chính).

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22 tháng 3 năm 2021.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do Tòa án thu thập gồm:*

- Xác nhận của Công an xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười;
- Văn bản trả lời của Bảo hiểm xã hội huyện Tháp Mười.

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Không.

* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L và chị T phải có nghĩa vụ trả lại cho chị H số tiền nợ vay vốn tổng cộng là 189.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp LH, xã TM, huyện TX, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân ông Mai Văn Thanh, ông Lê Văn Vững và Thư ký phiên tòa bà Phạm Thị Thi. Đồng thời, theo các quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân ông Đào Văn Hiến, ông Lê Văn Vững và Thư ký phiên tòa bà Nguyễn Thị Bích Vân và ông Hồ Quốc Thái, Kiểm sát viên ông Huỳnh Văn Sáng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do bà Vân và ông Thái bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng bà Phạm Thị Thi là Thư ký phiên tòa. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh L và chị T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L và chị T.

[4] Xét yêu cầu khởi hiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị H cho rằng vào ngày 29/10/2019 (dương lịch), anh L có vay của chị số tiền 29.600.000 đồng, thỏa thuận miệng 3%/tháng/toàn bộ số tiền, thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày vay, khi vay nghe anh L nói miệng là vay về lo sinh hoạt gia đình; Ngày 30/10/2019 (dương lịch), anh L có vay của chị số tiền 29.600.000 đồng, thỏa thuận miệng 3%/tháng/toàn bộ số tiền, thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày vay, khi vay nghe anh L nói miệng là vay về lo sinh hoạt gia đình; Ngày 15/11/2019 (dương lịch), anh L có vay tiếp của chị số tiền 90.000.000 đồng, thỏa thuận miệng 3%/tháng/toàn bộ số tiền, thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày vay, khi vay nghe anh L nói miệng là vay về lo sinh hoạt gia đình; Ngày 19/11/2019 (dương lịch), chị T có vay của chị số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận miệng 3%/tháng/toàn bộ số tiền, thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày vay, khi vay nghe chị T nói miệng là vay về lo sinh hoạt gia đình. Xét thấy, lời trình bày trên của chị H là có cơ sở và việc chị H có cho anh L và chị T vay tiền là có thật, thể hiện qua các "Biên nhận ngày 29/10/2019, ngày 30/10/2019, ngày 15/11/2019 và ngày 19/11/2019". Đồng thời, trong nội dung các biên nhận trên đều thể hiện hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ. Do đó, đây là hợp đồng vay có thời hạn và đến nay hợp đồng vay đã quá hạn, phía anh L và chị T chưa trả nợ vốn cho chị H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự. Đối với anh L và chị T mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến đồng ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của chị H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, xét yêu cầu của chị H về việc buộc anh L và chị T cùng phải có nghĩa vụ trả lại cho chị H số tiền nợ trên thì trong nội dung các biên nhận nợ không thể hiện anh L và chị T cùng đứng vay và cũng không thể hiện mục đích vay tiền. Đồng thời, tính đến thời điểm hiện nay thì chị H cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu trên. Do đó, xét thấy yêu cầu

anh L và chị T cùng liên đới trả toàn bộ số tiền nợ trên là không có căn cứ mà ai là người vay tiền của chị H thì người đó mới có trách nhiệm trả lại cho chị H, cụ thể: Trong 04 biên nhận nợ trên thì anh L là người vay 03 biên nhận với tổng số tiền là 149.200.000 đồng, còn chị T là người vay biên nhận còn lại với số tiền 40.000.000 đồng. Do đó, anh L phải có trách nhiệm trả lại cho chị H số tiền nợ vay vốn là 149.200.000 đồng, còn chị T phải có trách nhiệm trả lại cho chị H số tiền nợ vay vốn là 40.00.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Theo đơn khởi kiện thì chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L và chị T phải có nghĩa vụ trả lại cho chị số tiền nợ vay vốn là 189.200.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 09/11/2020 tổng cộng 22.704.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên không tiến hành hòa giải được và đơn xin xét xử vắng mặt thì chị H xin thay đổi yêu cầu là nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L và chị T phải có nghĩa vụ trả lại cho chị H số tiền nợ vay vốn tổng cộng là 189.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét đây là sự tự nguyện của chị H, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật và theo hướng có lợi cho anh L và chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi này của chị H. Đồng thời, khi khởi kiện thì chị H có 02 yêu cầu gồm: Yêu cầu anh L và chị T phải có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ vay vốn là 189.200.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 22.704.000 đồng. Xét hai yêu cầu trên là cùng 01 quan hệ pháp luật là "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" và yêu cầu trả tiền lãi gắn liền với yêu cầu chính là trả tiền nợ vay vốn. Như vậy, yêu cầu trả tiền lãi không phải là 01 quan hệ pháp luật khác.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định đối với yêu cầu không tính lãi của nguyên đơn là sự thay đổi yêu cầu khởi kiện chứ không phải là rút 01 phần yêu cầu khởi kiện.

[6] Tại phiên không tiến hành hòa giải được thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[7] Xét thấy:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị

gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

- Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết 01 phần vụ án. Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Riêng về phần đề nghị đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn. Như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xác định đối với yêu cầu không tính lãi của nguyên đơn là sự thay đổi yêu cầu khởi kiện chứ không phải là rút một phần yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười.

[8] Về án phí:

- Chị H không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Anh L và chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy H.

- Buộc anh Nguyễn Vũ L phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền nợ vay vốn là 149.200.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng).

- Buộc chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền nợ vay vốn là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thúy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị H 5.290.000 đồng (Năm triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0006604, ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Nguyễn Vũ L phải chịu 7.460.000 đồng (Bảy triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị T phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Thi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phường